

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình - ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nữ Thu Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2020 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị Hồng P, sinh năm ...

Địa chỉ: Đường t, tổ h, ấp c, xã n, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Bảo T, sinh năm ...

Địa chỉ: Đường t, tổ h, ấp c, xã n, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị P có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Dương Thị Hồng P trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng P và anh Trần Bảo T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã n, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/11/2009.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T mở tiệm sửa xe gần nhà

mang tên Quốc Linh và sống tại đây nên vợ chồng sống xa nhau từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị P nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Dương Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Bảo T.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tân Ph, sinh ngày 27/4/2013, hiện con chung đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn, anh Trần Bảo T đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Dương Thị Hồng P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn, anh Trần Bảo T có địa chỉ xã n, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Bảo T, anh T có mặt tại nơi cư trú nhưng anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Bảo T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị P và anh T được xác lập vào năm 2009, do anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh vào ngày 10/11/2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị P cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T không có mặt tại Tòa án

trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống xa nhau đã hơn 02 năm nhưng không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị P được ly hôn với anh T.

[3] Xét con chung: Chị Dương Thị Hồng P và anh Trần Bảo T có 01 con chung tên Trần Tân Ph, sinh ngày 27/4/2013, hiện con chung đang sống với chị P. Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được tiếp tục nuôi con chung. Anh T không có văn bản ghi ý kiến, không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không có mặt để trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy bé Phát từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với chị P, có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, bé Phát còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bé Phát nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Tân Ph, sinh ngày 27/4/2013 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung không có; anh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Hồng P, chị P được ly hôn với anh Trần Bảo T.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Hồng P, chị P được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Tân Ph, sinh ngày 27/4/2013, hiện con chung đang sống với chị P.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Dương Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007072 ngày 06/8/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Hồng P có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Bảo T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

### **Nơi nhận:**

- VKS ND TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã n, thành phố C (số 52, quyền số I/2009, ngày 10/11/2009);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nữ Thu Hân**